

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 12/2024/DS-PT

Ngày: 15-3-2024

V/v: Kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ.

Các Thẩm phán: Ông Chu Tuấn Vương và bà Nguyễn Thị K Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Chương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị H - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2023/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc: “*Kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DSST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2024/QĐ-PT ngày 04/01/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐ-PT ngày 19/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/QĐ-PT ngày 19/02/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Mạnh Th, sinh năm 1949; Địa chỉ: thôn D, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Th: Ông Vũ Ngọc Tr - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị K, sinh năm 1939; Địa chỉ: thôn D, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1971; Địa chỉ: trung tâm *, Tổng cục *, phường *, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1974.

3.3. Anh Nguyễn Huy Đ, sinh năm 1979.

3.4. Anh Nguyễn Huy D, sinh năm 1984.

3.5. Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1988

3.6. Anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1969

Đều có địa chỉ tại: thôn D, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

3.7. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1972

3.8. Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1965

Đều ở địa chỉ: thôn P, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

3.9. Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1961; Địa chỉ: thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

3.10. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1968; Địa chỉ: thôn D, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

3.11. Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1975; Địa chỉ: thôn V, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của bà K, chị C, anh Th, chị M, anh Ph, anh Đ và chị S: Chị Ngô Thị Đ, sinh năm 1966; Địa chỉ: thôn D, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

4. *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Mạnh Th- Nguyên đơn.

(Ông Th, ông Trịnh có mặt; anh B vắng mặt; bà K và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Nguyên đơn - ông Nguyễn Mạnh Th trình bày:*

Bố mẹ đẻ ông là cụ Nguyễn Th (còn gọi là cụ Quý K, sinh năm 1907, chết năm 1977) và cụ Bùi Thị Th (sinh năm 1920, chết năm 1990). Bố mẹ ông sinh được một mình ông. Cụ Th còn chung sống với cụ Nguyễn Thị T, sinh năm 1909, chết năm 1981 (ông không nhớ cụ Th và cụ T chung sống với nhau từ thời gian nào), cụ Th và cụ T không có con chung. Cụ Th, cụ Th và cụ T không có con riêng. Ông và bà Trần Thị H (sinh năm 1947, chết năm 2021) kết hôn năm 1967, sinh được 05 người con gồm: anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Huy Đ, anh Nguyễn Huy D và anh Nguyễn Văn Th.

Năm 1972, hộ gia đình ông gồm cụ Th (chủ hộ), cụ Tảo, cụ Thắc, ông, bà H và anh B, cụ Th có đổi đất cho vợ chồng ông H, bà K, theo đó gia đình ông H lấy một phần thửa đất là mảnh vườn của cụ Thuyết, còn gia đình ông lấy 240m² đất 5% (đất loại 1) ở xứ đồng Cửa Hàm. Khi đổi đất, không đo nên không biết diện tích đất vườn là bao nhiêu, năm 1986 đo đạc thì diện tích đất ông H, bà K đang sử dụng là 195m². Việc đổi đất không làm văn bản, không làm thủ tục tại chính quyền địa phương, không có tài liệu, chứng cứ gì mà chỉ thông qua ông Phạm Văn Mẽ đội trưởng đội sản xuất; ngoài ra có ông Nguyễn Văn Ch, bà Phan Thị H, ông Nguyễn Văn M ông Nguyễn Văn T và ông Vũ Văn Tr là hàng xóm, hiện đang cư trú tại thôn D, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình biết.

Đến năm 1974, đất ruộng 5% chuyển từ xứ đồng Cửa Hàm sang xứ đồng Vạn Phúc nên vợ chồng ông H bà K không trả đất cho gia đình ông nữa. Bố mẹ ông có làm đơn nhờ chính quyền xã giúp đỡ nhưng Ủy ban nhân dân xã không giải quyết vì khi đổi không thông qua chính quyền. Năm 1977, trước khi chết cụ Th có dặn ông : « *Con cố gắng giữ lấy chữ đức đợi 50 năm sau, con cái bác H bà K trưởng thành thì con đòi lại đất* ». Nay ông khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị K trả lại cho ông 240m² đất loại 1 để sản xuất nông nghiệp.

** Bị đơn - bà Trần Thị K trình bày :*

Bà và chồng là ông Nguyễn Trọng H (sinh năm 1937, chết năm 2019) sinh được 6 người con, gồm: chị Nguyễn Thị C, anh Nguyễn Văn Th, chị Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Văn Ph, anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị S. Bố mẹ đẻ ông H là cụ Nguyễn Văn Ng và cụ Phạm Thị Đ (bà không nhớ năm sinh, năm chết).

Nguồn gốc đất ở gia đình bà đang sử dụng là do cha ông để lại từ lâu, không có tranh chấp với ai. Theo sổ mục kê địa chính, thể hiện thời điểm sử dụng đất trước ngày 15/10/1993 là thửa số 2741 diện tích 195m², theo bản đồ Vlap là thửa 514, diện tích 225,7m² đều đứng tên chủ sử dụng là ông H, không liên quan đến thửa đất nhà ông Th. Vì vậy bà không nhất trí với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tiêu chuẩn ruộng cấy, gia đình bà được chia đủ theo quy định của địa phương.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Huy D, anh Nguyễn Huy Đ, anh Nguyễn Văn Th trình bày về quan hệ huyết thống như ông Th khai, họ đều không biết việc đổi đất giữa hai gia đình. Nay ông Th khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị K trả lại 240m² đất nông nghiệp, các anh, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.*

** Người đại diện theo ủy quyền của bà K, chị C, anh Thành, chị Mai, anh Đức và chị Sáu là bà Ngô Thị Đ trình bày : thửa đất ở của bà K giáp với thửa đất của ông Th, nguồn gốc thửa đất là do ông cha để lại, không có việc đổi đất giữa ông H, bà K*

với gia đình ông Th. Do vậy, bà đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Th, đất ruộng của bà K cũng như các con bà K đều được chia đủ theo tiêu chuẩn của địa phương.

* Những người làm chứng là bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn Ch không biết về việc đổi đất giữa gia đình ông Th và bà K. Ông Nguyễn Văn Mưu biết việc đổi đất giữa hai gia đình là do ông Th kể lại. Ông Vũ Văn Tr biết việc đổi đất giữa hai gia đình, còn đổi vào thời gian nào và diện tích cụ thể là bao nhiêu ông không biết.

* Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã An Ninh và thôn Dục Linh 2, xã An Ninh: về quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống của nguyên đơn, bị đơn như các đương sự trình bày. Chính quyền địa phương không biết việc đổi đất giữa hai gia đình. Địa phương không rõ năm 1972 đã được giao ruộng đất chưa vì không có tài liệu nào còn lưu trữ. Tiêu chuẩn đất nông nghiệp của hai gia đình đều được chia đầy đủ theo quy định.

Về nguồn gốc đất ở: Theo bản đồ 299 lập năm 1986 ông Th đứng tên thửa đất số 2743, diện tích 335m², ông Nguyễn Văn H đứng tên thửa đất số 2741, diện tích 195m². Theo bản đồ Vlap đo đạc năm 2010 ông Nguyễn Mạnh Th và bà Trần Thị H đứng tên thửa đất số 513, diện tích 343,7m², ông Nguyễn Trọng H và bà Trần Thị K đứng tên thửa đất số 514, diện tích 225,7m². Qua nhiều lần thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước từ năm 1987 đến nay trên sổ địa chính lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã An Ninh không thể hiện thửa đất mang tên cụ Nguyễn Th, cụ Bùi Thị Th và cụ Nguyễn Thị T. Quá trình sử dụng ổn định, không có tranh chấp.

Bản án số 21/2023/DSST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật Dân sự; Điều 166 và Điều 203 Luật đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh Th về việc yêu cầu bà Trần Thị K trả lại cho gia đình ông diện tích 240m² đất nông nghiệp.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/10/2023 ông Nguyễn Mạnh Th kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông và triệu tập bà Trần Thị K để đối chất với ông.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: ông Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và trình bày: năm 1972 khi đổi đất hai bên có làm văn bản, ông, cụ Thuyết, vợ chồng ông H ký, mỗi bên giữ một bản song do thời gian đã lâu ông không còn lưu giữ biên bản này nên không có tài liệu giao nộp cho Tòa án. Sau khi đổi đất gia đình ông trực tiếp sử dụng đất ruộng đã đổi, nhưng đến năm 1974 đất ruộng 5% chuyển từ xứ đồng Cửa Hàm sang xứ đồng Vạn Phúc, từ đó vợ chồng ông H bà K không trả đất cho gia đình ông. Ông thực hiện theo lời dặn của cụ Th trước khi mất nên năm 2022 ông mới khởi kiện yêu cầu bà K trả lại đất ruộng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Th trình bày ý kiến : chứng cứ về việc đổi đất giữa hai gia đình không có nhưng trên thực tế sự việc này có diễn ra, thể hiện qua lời khai của người làm chứng, do vậy đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: kháng cáo của ông Nguyễn Mạnh Th làm và gửi trong thời hạn luật định. Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Mạnh Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Mạnh Th nằm trong thời hạn luật định.

[2] Anh Nguyễn Văn B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, bị đơn bà Trần Thị K đã uỷ quyền tham gia tố tụng cho bà Ngô Thị Điền, bà K, bà Điền và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự HĐXX xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

* Về nội dung:

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: ông Th khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà K trả lại 240m² đất nông nghiệp do đổi đất ở cho bà K, nên đây là quan hệ kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: theo quy định tại Điều 155 Bộ luật Dân sự thì yêu cầu của ông Th thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[5] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Mạnh Th:

[5.1] Ông Th cho rằng năm 1972 bố ông là cụ Nguyễn Th đã đổi đất vườn để lấy 240m² đất ruộng ở cánh đồng Cửa Hàm của ông H, bà K nhưng không đưa ra được tài liệu nào chứng minh về việc đổi đất này.

[5.2] Về nguồn gốc đất ở của gia đình bà K: bản đồ 299 lập năm 1986 tại số thửa 2741 đứng tên ông Nguyễn Văn H diện tích 195m² đất ở, theo bản đồ Vlap năm 2020 là thửa 514 diện tích 225,7m²; cụ Nguyễn Th, cụ Bùi Thị Th và cụ Nguyễn Thị T không đứng tên thửa đất nào trong các bản đồ địa chính. Như vậy lời khai của bà K về nguồn gốc đất ở là của gia đình bà, không phải do cụ Nguyễn Th đổi đất là có căn cứ.

[5.3] Ngoài ra nguyên đơn cho rằng việc đổi đất giữa hai gia đình có một số người biết, nhưng ông Mẽ- nguyên đội trưởng đội sản xuất năm 1972 đã mất năm 1980; ông Chinh, bà Hồng đều khai không biết việc đổi đất, ông Mưu biết việc đổi đất giữa hai gia đình là do ông Th kể lại, ông Trung khai biết việc đổi đất giữa hai gia đình nhưng cũng không biết đổi vào thời điểm nào, diện tích bao nhiêu.

[6] Như vậy không có căn cứ về việc đổi đất giữa gia đình ông Th và bà K, nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th là có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Mạnh Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm

[7] Về án phí: ông Nguyễn Mạnh Th là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 155, Điều 165 Bộ luật Dân sự; Điều 166 Luật Đất đai; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Mạnh Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 21/2023/DSST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

2. Xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh Th về việc yêu cầu bà Trần Thị K trả lại cho gia đình ông 240m² đất nông nghiệp.

3. Về án phí phúc thẩm: ông Nguyễn Mạnh Th được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 15/3/2024./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TA, Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;
- Lưu HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ